Reference ASP dot Net

# HTML/ CSS

## Block tag group

|  |
| --- |
| * H1, h2, … h6 * P * Div * Dl, dt, dd * Ul, ol, li |
|  |

## Inline tag group

|  |
| --- |
| * A * Img * Br * Strong * B * Em * I * U |

## Table tags

|  |
| --- |
| * Table, tr, th, td |
| * Boder: độ dày của các đường viên bao xung quanh bảng và các ô * Cellspacing: khoảng cách nằm giữa 2 đường viên lân cận * Cellpadding: khoảng cách vùng đệm bên trong các ô * Width: chiều rộng cho bảng hoặc các ô (table or td, th tag) * Hight: chiều cao cho bảng hoặc các ô (table or td, th tag) * Align: căn lề cho nội dung bên trong ô (theo chiều ngang), có 4 giá trị là left, right, center, justify * Valign: canh lề cho nội dung bên trong ô (theo chiều dọc), có 4 giá trị là top, middle, bottom, justify * Thuộc tính: colspan (nối các ô với nhau theo chiều ngang), rowspan (nối các ô với nhau theo chiều dọc) |

## Form in HTML

|  |
| --- |
|  |
| * Fieldset: nhóm các ô nhập liệu * Legend: đăt tiêu đề của nhóm các ô nhập liệu * Lable: tiêu đề của ô nhập liệu * Input: ô nhập liệu |
|  |
| * Action: xác định hàng động sẽ được thực hiện khi nhấn nút gửi dữ liệu * Method: xác định phương thức HTTP sẽ được sử dụng để gửi dữ liệu * Target: giống thuộc tính target của thẻ <a> thiết lập sau khi nhấn nút submit sẽ vẫn ở nguyên màn hình trình duyệt (giá trị \_self: mặc định) hay sẽ mở một cửa sổ hoặc một tab mới (giá trị \_blank) |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| * Một số thuộc tính của phần tử <input>   + autocomplete: gợi ý text đã nhập từ trước  + value: chỉ định giá trị cho phần tử khởi tạo input  + readonly: chỉ đọc (không thể thay đổi dữ liệu của phần tử này)  + disabled: phần input sẽ bị ẩn, và sẽ không được gửi đi cùng với submit  + size: kích thước của trường input  + maxlength: chỉ định số kí tự tối đa cho phép nhập vào  + autofocus: con trỏ nhập liệu sẽ ở ô này khi trang web được tải  + placeholder + required: yêu cầu phải nhập liệu khi gửi dữ liệu form đi |
|  |

## CSS embed into HTML

* Inline, Internal, External CSS

# JavaScript

|  |
| --- |
|  |

# ASP.Net WebForm

## Controls

### Cấu trúc một trang ASP.NET

* Mỗi trang Asp.net được gọi là một Web Form, thường gồm 2 file đi kèm với nhau:
  + File .aspx: chứa code html, css định hình giao diện trang web



* + File .aspx.cs: chứa code behind để viết các phương thức xử lý sự kiện của trang

### HTML Server Controls

* Tiền thân là phần tử HTML trong trang HTML, khi muốn sử dụng để lập trình phía server thì ta gán thêm thuộc tính runat=”server” cho phần tử HTML đó.
* Phần tử có thuộc tính runat=”server” này được gọi là HTML Server Control
* Ví dụ:

|  |
| --- |
| <%--File.aspx--%>  <%@ Page Language="C#" AutoEventWireup="true" CodeBehind="TestHTMLServerControl.aspx.cs" Inherits="WebApplication1.TestHTMLServerControl" %>  <!DOCTYPE html>  <html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">  <head runat="server">  <title>HTML Server Control</title>  </head>  <body>  <form id="form1" runat="server">  <div>  <button id="btnBlue" runat="server" onserverclick="btnBlue\_Click"  style="background: blue; color: white;" > Blue Button</button>  <button id="btnPink" runat="server" onserverclick="btnPink\_Click"  style="background: pink;" > Blue Button</button>  <p runat="server" id="p1"></p>  </div>  </form>  </body>  </html> |
| //Code phía Server  using System;  using System.Collections.Generic;  using System.Linq;  using System.Web;  using System.Web.UI;  using System.Web.UI.WebControls;  namespace WebApplication1  {  public partial class TestHTMLServerControl : System.Web.UI.Page  {  protected void Page\_Load(object sender, EventArgs e)  {  }  protected void btnBlue\_Click(object sender, EventArgs e)  {  p1.InnerHtml = "Bạn đã click vào button màu xanh";  }    protected void btnPink\_Click(object sender, EventArgs e)  {  p1.InnerHtml ="Bạn đã click vào button màu hồng";  }  }  } |
| //Kết quả |

* *HTML Server Control tuy xử lý nhanh nhưng không có nhiều chức năng nên thông thường khi lập trình sẽ dùng các điều khiển ASP.Net Web Server Controls*

### Web Server Controls

* Là các control cũng giống như HTML Server Control, có sẵn thuộc tính runat=”server” để thực thi tại server
* Cú pháp chung để tạo một Web Server Control

|  |
| --- |
| <asp:TypeOfControl id="control\_name" runat="server"/> |

* Ví dụ:

|  |
| --- |
| <%--File.aspx--%>  <%@ Page Language="C#" AutoEventWireup="true" CodeBehind="TestWebServerControl.aspx.cs" Inherits="WebApplication1.TestWebServerControl" %>  <!DOCTYPE html>  <html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">  <head runat="server">  <title></title>  </head>  <body>  <form id="form1" runat="server">  <div>  <asp:Button Text="Blue Button" runat="server" ID="btnBlue" BackColor="Blue" ForeColor="White"  OnClick="btnBlue\_Click"/>  <asp:Button Text="Pink Button" runat="server" id="btnPink" BackColor="Pink"  OnClick="btnPink\_Click"/>  </div>  <p>  <asp:Label Text="" ID="lb11" runat="server" />  </p>  </form>  </body>  </html> |
| //Code phía Server  using System;  using System.Collections.Generic;  using System.Linq;  using System.Web;  using System.Web.UI;  using System.Web.UI.WebControls;  namespace WebApplication1  {  public partial class TestWebServerControl : System.Web.UI.Page  {  protected void Page\_Load(object sender, EventArgs e)  {  }  protected void btnBlue\_Click(object sender, EventArgs e)  {  lb11.Text = "Bạn đã click vào button màu xanh";  lb11.ForeColor = System.Drawing.Color.Blue;  }  protected void btnPink\_Click(object sender, EventArgs e)  {  lb11.Text = "Bạn đã click vào button màu hồng";  lb11.ForeColor = System.Drawing.Color.Pink;  }  }  } |
| //Kết quả |

## Validation Controls

## Web User Control

* Là Control do người dùng định nghĩa, có thể được sử dụng lại trong các trang
* Tạo và sử dụng một User Control

|  |
| --- |
| <%--File WebUserControl.ascx--%>  <%@ Control Language="C#" AutoEventWireup="true" CodeBehind="WebUserControl.ascx.cs" Inherits="WebApplication1.WebUserControl" %>  <div>  <asp:Label Text="Name" runat="server" />  <asp:TextBox ID="txtb1" runat="server"/>  <%--validate textbox nhập vào--%>  <asp:RequiredFieldValidator ControlToValidate="txtb1" Display="Static" runat="server"  ErrorMessage="Name is required." ForeColor="Red"></asp:RequiredFieldValidator>  </div> |
| <%--File.aspx--%>  <%@ Page Language="C#" AutoEventWireup="true" CodeBehind="TestWebServerControl.aspx.cs" Inherits="WebApplication1.TestWebServerControl" %>  <%@ Register Src="~/WebUserControl.ascx" TagPrefix="usercontrol" TagName="testcontrol" %>  <!DOCTYPE html>  <html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">  <head runat="server">  <title></title>  </head>  <body>  <form id="form1" runat="server">  <usercontrol:testcontrol runat="server" id="testcontrol"></usercontrol:testcontrol>  <asp:Button Text="Submit" runat="server" />  </form>  </body>  </html> |
| Kết quả: |

* Trong trang web user control .ascx
  + Bao gồm mã HTML, JavaScript, và các controls, …
  + Không chứa các thẻ HTML <head>, <body>, và <form>
  + Sử dụng @Control thay vì @Page
* Sử dụng một User Control: Có thể kéo trực tiếp user control vào trang aspx hoặc khai báo như sau:
* Trong phần Page Directives đăng ký để có thể sử dụng User Control đã tạo. Dùng @Register với TagName: xác định tên User Control, Src: đường dẫn đến User Control, TagPrefix: tiền tố của TagName trong khai báo User Control
* <%@ Register Src="~/TestControl.ascx" TagPrefix="uc1" TagName="TestControl" %>
* Trong phần code HTML, để gọi đến User Control đã khai báo trên phần Page Directives, dùng cú pháp <TagPrefix: TagName />
* <uc1:TestControl runat="server" id="TestControl" />

## Master Page